

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **DTH**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 25, khu phố LK., phường LTr, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **NHC**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 25, khu phố LK., phường LTr, thị xã HT, tỉnh TN (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị DTH trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh NHC chung sống từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến gần khoảng hơn 01 năm qua thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn hòa hợp nhau cả về tư tưởng, cách sống. Cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, dẫn đến tình trạng trầm cảm, thường xuyên cãi cọ nhau, anh chị đã nhiều lần ngồi lại để bàn bạc, hàn

gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, bởi vì anh C. là người gia trưởng, thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm chị và đánh đập con cái trong gia đình và anh chị đã sống ly thân gần 01 năm nay. Nay chị H. yêu cầu ly hôn với anh C. do tình cảm không còn.

Về con chung: Anh chị chung sống 03 con chung tên NDHA, sinh ngày 15/5/2003, NDNA, sinh ngày 16/01/2005 và NDTA, sinh ngày 11/4/2012. Khi ly hôn, chị H. yêu cầu nuôi dưỡng cháu NA và cháu TA, không yêu cầu anh C. cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với cháu HA đã trưởng thành nên chị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H. khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị H. có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H. và anh C. theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. đối với anh C..

+ Về con chung: Cháu NDHA đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu NDNA, sinh ngày 16/01/2005 và NDTA, sinh ngày 11/4/2012 cho chị H. nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H. không yêu cầu anh C. cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H. trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị DTH có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh NHC đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H. và anh C. theo quy định tại Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị DTH và anh NHC, thấy rằng: Chị H. và anh C. chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam ngày 28/01/2003. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã nhiều lần bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hàn gắn được và anh chị đã sống ly thân gần 01 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H. yêu cầu ly hôn với anh C.. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh C. nhiều lần để làm rõ nội dung khởi kiện của chị H. nhưng anh C. vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh C. đã không còn quan tâm, hàn gắn tình cảm vợ chồng đối với chị H.. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình C. chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. đối với anh C..

[3] Về con chung: Chị H. và anh C. có 03 con chung tên NDHA, sinh ngày 15/5/2003, NDNA, sinh ngày 16/01/2005 và NDTA, sinh ngày 11/4/2012. Do cháu HA đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Chị H. yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu NA và cháu TA, đồng thời tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022, cháu NA và cháu TA đều có nguyện vọng sống cùng chị H.. Do đó, C. giao cháu NA và cháu TA cho chị H. tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H. khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Chị H. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là phù hợp nên C. chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị DTH đối với anh NHC. Chị DTH được ly hôn với anh NHC.

2. Về con chung: Chị DTH và anh NHC có 03 con chung tên NDHA, sinh ngày 15/5/2003, NDNA, sinh ngày 16/01/2005 và NDTA, sinh ngày 11/4/2012. Do con chung HA đã thành niên, đủ khả năng lao động tạo ra thu nhập nên Hội

đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị DTH được **quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung NA và TA**. Ghi nhận chị DTH không yêu cầu anh NHC cấp dưỡng nuôi con.

Anh NHC có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị DTH khai nhận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị DTH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị DTH đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số **0021036** ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Chị DTH và anh NHC vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- UBND xã ĐL, huyện Đ.Lo, tỉnh QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân